

Bản án số: 204/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 16/10/2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**

2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

-Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 542/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **NGUYỄN THỊ MỘNG T**, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **NGUYỄN VĂN KHOA T1**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 24/7/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Do quen biết nên chị và anh T1 kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị có quá nhiều điểm bất đồng thường tranh cãi, anh T1 không quan tâm vợ con và đã chính thức ly thân từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T1.

Con chung có một cháu tên Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 07/02/2013, hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu T2, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đ/tháng đến khi trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Khoa T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ và hoà giải kèm giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự liên quan việc chị T khởi kiện như trên nhưng anh T1 vẫn không có văn bản nêu ý kiến và có tính vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T cương quyết yêu cầu ly hôn anh T1, yêu cầu được nuôi con chung và có yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Bị đơn anh T1 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Anh Nguyễn Văn Khoa T1 vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

Về nội dung:

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Tại phiên tòa, chị T trình bày do quen biết nên chị và anh T1 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến tháng 11/2015 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân luôn từ đó đến nay. Nguyên nhân do anh T1 không quan tâm vợ con và anh chị có quá nhiều điểm bất đồng thường tranh cãi gây mất tình cảm. Nay chị T cương quyết xin ly hôn anh T1. Anh T1 thì vắng mặt không lý do. Xét thấy, cho chị T được ly hôn với anh T1 là có cơ sở. Bởi lẽ, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh T1 để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh T1 vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung:** Có một cháu tên Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 07/02/2013, hiện đang sống với chị T. Xét thấy, tiếp tục giao cháu T2 cho chị T nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trước giờ cháu đã sống ổn định với chị T từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Thêm vào đó, sau khi Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh T1 thì anh vẫn bỏ mặc không có văn bản ý kiến gì liên quan đến yêu cầu được nuôi con chung của chị T. Hơn nữa, căn cứ vào văn bản ý kiến xác nhận của đại diện địa phương do đương sự cung cấp cho rằng chị T nuôi con sẽ tốt hơn. Từ đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung cũng như để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của cháu nên tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng*: Tại phiên tòa, chị T có yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Xét thấy, yêu cầu của chị là có cơ sở, phù hợp với Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Theo chị T trình bày là không có nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh T1 phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mộng T. Cho chị Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn anh Nguyễn Văn Khoa T1.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 07/02/2013 cho chị T nuôi. Anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 650.000đ/tháng. Thời gian thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Mộng T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Văn Khoa T1 chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 07250 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như thi hành xong.

Anh Nguyễn Văn Khoa T1 phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM